



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH NGOC DUONG
Last Middle First

Current Address: 68/2 Tran Phu - P3 - Sadec - Dong Thap

Date of Birth: 1935 Place of Birth: Da Nang

Previous Occupation (before 1975) Major - VN Air Force
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 15 06-1975 To 11-1983
Years: 08 Months: 05 Days: _____
US trainer

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>Huynh. NGOC. THO</u>	<u>Nephew</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
<i>Nguyen Thi Kim Anh</i>	<i>1940</i>	<i>wife</i>
<i>Huynh-ngoc Phuc</i>	<i>1966</i>	<i>son</i>
<i>Huynh-ngoc Hai</i>	<i>1969</i>	<i>son</i>
<i>Huynh-ngoc Hieu</i>	<i>1972</i>	<i>son</i>

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Huỳnh ngọc Đường
68/2 Trần phú, phường 3
Sa đéc, Đồng Tháp
VIETNAM

- Văy
- 85
gửi Foron

DEC 07 1988



To:
Bà Thơ
PO Box 5435
Arlington VA
22205 . 0635

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
-O-O-O-O-O-

A. Basic Identification Data:

- 1, Name: HUYNH - NGOC - DUONG
- 2, Date / place of birth: 19 - 11 - 1935 Đà - Nẵng
- 3, Residence Address: 68/2 Trần - Phú Phường 3 Sa-Déc Hồng Tháp
- 4, Mailing address: HUYNH - NGOC - THO

5, Current occupation:

B. Relatives to accompanyme:

Name	Date of birth	Place of birth	Sex: M S	Relationship
NGUYEN-THI-KIM-ANH	3 - 1 - 1940	Mỹ-THọ, Sa-Déc	F M	Wife
HUYNH-NGOC-PHUC	10 - 5 - 1966	Biên-Hòa	M S	Son
HUYNH-NGOC-HAI	1 - 10 - 1969	Đà-Nẵng	M S	Son
HUYNH-NGOC-HIEU	16 - 4 - 1972	Đà-Nẵng	M S	Son

C. Relatives outside Việt Nam:

1. Closest relative in the US

- a, Name: HUYNH - NGOC - THO
- b, Relationship: Nephew (blood brother's Son)
- c, Address:

2. Closest relative in other foreign countries

D. Complete family listing (living / dead):

Name	Address
- Father: HUYNH-TU-THUONG (dead)	260 Điện Biên Phủ Đà-Nẵng
- Mother: NGUYEN-THI HET (dead)	//
- Spouse: NGUYEN-THI-KIM-ANH	68/2 Trần phú Phường 3 Sa-Déc D.2
- Children: HUYNH-NGOC-PHUC	//
HUYNH-NGOC-HAI	//
HUYNH-NGOC-HIEU	//
- Sibling: HUYNH-TU-CU	270 Điện Biên Phủ Đà - Nẵng
HUYNH-THI-SUONG	260 Điện Biên Phủ Đà - Nẵng
HUYNH-THI-LOI	Phường Hà-Tam-Xuân Đà - Nẵng
HUYNH-THI-TRI	Thanh - lộc * Đán Đà - Nẵng
HUYNH-THI-ANH	//
HUYNH-THI-SUONG	//
HUYNH-VAN-HY	67 Mạc - Đình - CHI Sài - Gòn
HUYNH-NGOC-SINH (dead)	Thanh - Lộc - Đán Đà - Nẵng

E. Employment by US government agencies or other US organizations of you or your spouse:

- 1, Name of person employed: HUYNH - NGOC - DUONG
- 2, Date: From August 1963 To March 1964
- 3, Title of (last) position held: Observer in plane O1 for operation throughout tactical regions 3 and 4
- 4, Agency / company / office: 19th Tass / 34th TACTICAL group BIEN - HOA
- 5, Name of (last) supervisor: Lieutenant Colonel Wilfon
- 6, Training for job in VIET - NAM:
 - Basic Artillery officer
 - Battle field observer
 - Pilot planes U17 and O1

F. Service with GVN or RVNAF by you or your spouse:

- 1, Name of person serving: HUYNH - NGOC - DUONG
- 2, Dates: From October 1961 To April 1975
- 3, Last rank: 55/600.479 - Major Acting chief of the operation plan office, 41th Tactical Wing Airforce, the first Division republic of VIET - NAM
- 4, Military Unit: The first Division of airforce republic of VIET-NAM
- 5, Name of supervisor C.O.: General NGUYEN - DUC - KHANH
- 6, Reason for leaving: An officer of the Army forces of the republic of VIET - NAM; can't stand living in communist regime
- 7, Name of American advisor: Major TOLD advisor of 110th Squaron during 1970 - 1972
- 8, US training courses in VIET - NAM: None
- 9, US awards or certificates: None

G. Training outside VIET - NAM of you or your spouse:

- 1, Name of student / trainer: HUYNH - NGOC - DUONG
- 2, School and school address: Lackland air base San Antonio Texas
- 3, Dates: From March 1969 to April 1969
- 4, Description of courses: I was sent to USA to attend the T.28 sp cial course, but after two months in Lackland language school. I didn't have enough Scores, so I had to go home.
- 5, Who paid for training: Government of the USA

H. Reeducation of or your spouse:

- 1, Name of person in reeducation: HUYNH - NGOC - DUONG
- 2, Total time in reeducation: 8 Years 4 months 20 Days

I. Any additional remarks:

None

Signature

Huynh Ngoc Duong

Date October 20 - 1988 -

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

-O-O-O-O-O-

A. Basic Identification Data:

- 1, Name: HUYNH - NGOC - DUONG
- 2, Date / place of birth: 19 - 11 - 1935 Đà - Nẵng
- 3, Residence Address: 68/2 Trần - Phú Phường 3 Sa-Déc Đồng Tháp
- 4, Mailing address: HUYNH - NGOC - THO 8501 Cameron 125 AUSTIN TX 78753 U.S.A
- 5, Current occupation:

B. Relatives to accompanyme:

Name	Date of birth	Place of birth	Sex	M S	Relationship
NGUYEN-THI-KIM-ANH	3 - 1 - 1940	Mỹ-THO, Sa-Déc	F	M	Wife
HUYNH-NGOC-PHUC	10 - 5 - 1966	Biên-Hòa	M	S	Son
HUYNH-NGOC-HAI	1 - 10 - 1969	Đà-Nẵng	M	S	Son
HUYNH-NGOC-HIEU	16 - 4 - 1972	Đà-Nẵng	M	S	SON

C. Relatives outside Việt Nam:

1. Closest relative in the US

- a, Name: HUYNH - NGOC - THO
- b, Relationship: Nephew (blood brother's Son)
- c, Address: 8501 cameron 125 AUSTIN TX 78753 U.S.A

2. Closest relative in other foreign countries

D. Complete family listing (living / dead):

Name	Address
- Father: HUYNH-TU-THUONG (dead)	260 Điện Biên Phủ Đà-Nẵng
- Mother: NGUYEN-THI-MET (dead)	//
- Spouse: NGUYEN-THI-KIM-ANH	68/2 Trần phú Phường 3 Sa-Déc D.T
- Children: HUYNH-NGOC-PHUC	//
HUYNH-NGOC-HAI	//
HUYNH-NGOC-HIEU	//
- Sibling: HUYNH-TU-CU	270 Điện Biên Phủ Đà - Nẵng
HUYNH-THI-SUONG	260 Điện Biên Phủ Đà - Nẵng
HUYNH-THI-LOI	Phường Hà-Tam-Xuân Đà - Nẵng
HUYNH-THI-TRÍ	Thanh - lộc - Dân Đà - Nẵng
HUYNH-THI-ANH	//
HUYNH-THI-SUONG	//
HUYNH-VAN-HY	67 Mạc - Đình - CHI Sài - Gòn
HUYNH-NGOC-SINH (dead)	Thanh - Lộc - Dân Đà - Nẵng

E. Employment by US government agencies or other US organizations of you or your spouse:

- 1, Name of person employed: HUYNH - NGOC - DUONG
- 2, Date: From August 1963 To March 1964
- 3, Title of (last) position held: Observer in plane 01 for operation throughout tactical regions 3 and 4
- 4, Agency / company / office: 19th Tass / 34th TACTICAL group BIEN - HOA
- 5, Name of (last) supervisor: Lieutenant Colonel Wilton
- 6, Training for job in VIET - NAM:
 - Basic Artillery officer
 - Battle field observer
 - Pilot planes U17 and C1

F. Service with GVN or RVNAF by you or your spouse:

- 1, Name of person serving: HUYNH - NGOC - DUONG
- 2, Dates: From October 1961 To April 1975
- 3, Last rank: 55/600.479 - Major Acting chief of the operation plan office, 41th Tactical Wing Airforce the first Division republic of VIET - NAM
- 4, Military Unit: The first Division of airforce republic of VIET-NAM
- 5, Name of supervisor C.O.: General NGUYEN - DUC - KHANH
- 6, Reason for leaving: An officer of the Army forces of the republic of VIET - NAM; can't stand living in communist regime
- 7, Name of American advisor: Major TOLD advisor of 110th Squadron during 1970 - 1972
- 8, US training courses in VIET - NAM: None
- 9, US awards or certificates: None

G. Training outside VIET - NAM of you or your spouse:

- 1, Name of student / trainer: HUYNH - NGOC - DUONG
- 2, School and school address: Lackland air base San Antonio Texas
- 3, Dates: From March 1969 to April 1969
- 4, Description of courses: I was sent to USA to attend the T.28 special course, but after two months in Lackland language school. I didn't have enough Scores, so I had to go home.
- 5, Who paid for training: Government of the USA

H. Reeducation of or your spouse:

- 1, Name of person in reeducation: HUYNH - NGOC - DUONG
- 2, Total time in reeducation: 8 Years 4 months 20 Days

I. Any additional remarks:

None

Signature

Date October 20 - 1988 -

Huynh Ngoc Duong

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----

5/25

MI 983

DATE: 11/11/70

68-2079

15/6/75 An phat

Thảo quyết định, tin và số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

SECRET

Đã được giám sát _____ lần, công thành _____ năm _____ tháng _____ ngày _____

Nay và cư trú tại: 68/2 Đường Trần Phú, Sa Đéc, Đồng Tháp

Nhân xét quá trình tài liệu

Quản chế 12 tháng

Đường sơ phái trình diện tại UBND Phường Xuân

Trước ngày 18 tháng II năm 1982

Lên tay ngón trỏ phải

Của Huỳnh ngọc Đường

Danh bạ số — — — — —

Lat 40i -----

3.9 tên, chữ họ
nơi được cấp giấy

Ngày 05 tháng II năm 19 83

Giám thi

Huỳnh ngọc Đường.

Thượng tá: Trịnh Văn Thích

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH: BIÊN-HÒA

QUẬN: ĐỨC TH

XÃ: BÌNH-TRƯỚC

TRÍCH LỤC

CHỒNG - THƯ

HON - THƯ

Số hiệu: 842

Tên họ người chồng: HUYNH - NGOC - DUONG

Nghề nghiệp: Quân nhân

Sanh ngày: Mười chín, tháng mười một, năm một ngàn
chín trăm ba mươi lăm

Tại: Thạnh-Khê (Đà-Nẵng)

Cư-sở tại: KQ 3004 Không Đoàn 23 Biên-hòa

Tạm-trú tại: Bình-trước Biên-Hòa

Tên họ cha chồng: HUYNH - TU - THUONG (Sống)

Tuổi: 65 tuổi

Tên họ mẹ chồng: NGUYEN - THI - HET (CHẾT)

Tên họ người vợ: NGUYEN - THI - KIM - ANH

Nghề nghiệp: Học sinh

Sanh ngày: Ba, tháng một, năm một ngàn chín trăm
bốn mươi

Tạm trú tại: 95/39 ấp núi Đất Bình-Trước

Biên - Hòa

Tên họ cha vợ: NGUYEN - VAN - UONG (Sống) 54 tuổi

Tên họ mẹ vợ: LY - THI - UONG (Sống) 48 tuổi

Ngày cưới: Hai mươi chín, tháng mười một, năm
một ngàn chín trăm sáu mươi lăm

Vợ chồng khai có hay không lập hôn-kế:

ngày tháng năm

Tại

TỈNH BIÊN HÒA

Chức vụ chủ ký các
Ủy ban hành chính xã Bình Trước
gửi trên

Ngày 15-12-1965

TL. Tỉnh trưởng

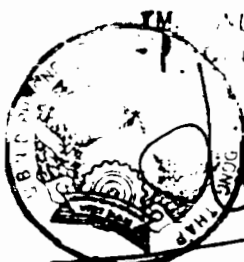
Trưởng Ty Hải quân

Quản lý HC/X

(Chữ ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Quan

PHIÊN BẢN 24-10-1988



TH. AN THƯỜNG HI

Ngọc Ba

TRÍCH Y BỐN CHÁNH

Bình Trước, ngày 12 tháng 12 năm 1965

Viên họ chức họ tịch

(Ký tên và đóng dấu)

Nguyễn-Văn-Hàm-Tự-Vê

SỞ TƯ PHÁP
TRUNG PHÂN

TÒA SƠ - THẨM
QUẢNG - NAM QUẢNG - NGÃI
tại ĐÀ - NANG

CHỨNG THƯ THAY GIẤY

KHAI - SINH

58 4666



VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Năm một nghìn chín trăm năm mươi

Bảy

ngày

Ba

tháng

Tu

năm

Tam

giờ

Trước một chúng tôi là

TU - ĐONG

Chánh An Tòa Sơ Thẩm Quảng - Nam Quảng - Ngãi tại ĐÀ - NANG ngồi tại
văn phòng có Ông **AI - THIAN - TRIET** Lạc sự giúp việc

CÓ ĐẾN HẦU TÒA

10) **Huỳnh - Tu - Oa** 36

tuổi, trú ngụ tại **Thanh - Khe Danang**

21A.000.042

Thanh - Khe

ngày **2/8/1955**

h-cước số

cấp tại

20) **Nguyen - Van - Phuoc** 41

tuổi, trú ngụ tại

Thanh - Khe, Pa - Nang

h-cước số

01ay giai - ngu

cấp tại

KBC

4884

ngày

6/3/1957

30) **Huỳnh - ngoc - Van** 25

tuổi trú ngụ tại

Thanh - Khe, Pa - Na ng

h-cước số

32A.000.0 97

cấp tại

Thanh - Khe

ngày

10/8/55

Những người chứng nói trên, sau khi thề nói tất cả sự thật và chỉ có sự thật đã khai và
chứng nhận biết rõ :

Huỳnh - ngoc - Duong Quốc tịch **Viet - Nam** sinh ngày **mười chín**

tháng **Mười một** năm **Một nghìn chín trăm ba mươi lăm**

tại **Làng Thanh - Khe, Pa - Nang.**

là con của Ông **Huỳnh - Tu - Thuoc** và Bà **Nguyen - Thi - Het**

Mấy người này quả quyết rằng

Huỳnh - ngoc - Duong

không thể xuất nạp giấy **KHAI - SINH**

qua y

được vì lẽ sở hộ tịch chánh quán

bị phá hủy bởi những biến cố chiến-tranh, hoặc bản chánh bị thất lạc.

Mấy người chứng đã nhận thật những lời khai ở trên, nên chúng tôi chiếu các điều

47, 48 **Trung** Việt-Hộ luật lập tờ chứng thư này thay thế giấy **KHAI - SINH**

cấp cho

Huỳnh - ngoc - Duong

để nạp hồ-sơ

Những người chứng sau khi nghe đọc bản văn này, đã ký tên cùng chúng tôi và Lạc-sự

Người đứng khai :

Những người chứng

Chánh-An

Lạc-sự

Tem bản chính :

Trước bạ thu :

30 3

Trước bạ tại **Panang** ngày **10/4/55**

Quyền

9

tờ

35

số

9129

CHỦ - SỰ ký tên

Sao y bản chánh

Chánh Lạc-sự

[Signature]



Tên đầu nhi: HUYNH - NGOC - Hải
 Phái: Nam
 Sinh: Ngày một tháng mười năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (01 - 10 - 1969)
 Tại: Thanh-Khê, Đà-Nẵng
 Cha: HUYNH - NGOC - ĐUONG
 Tuổi: 1935
 Nghề: Quân nhân
 Cư trú: KBC.3.198
 Mẹ: NGUYEN - THI - KIM - ANH
 Tuổi: 1940
 Nghề: Nội trợ
 Cư trú: Thanh-Khê, Đà-Nẵng
 Vợ: Chảnh
 Người khai: HUYNH - NGOC - ĐUONG
 Tuổi: 1935
 Nghề: Quân nhân
 Cư trú: KBC.3.198
 Ngày khai: Ngày mười tám tháng mười năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (18 - 10 - 1969)
 Người chứng thứ nhất: Có giấy chứng nhận hộ sinh
 Tuổi: do Bảo-Sanh-Viện cấp ngày
 Nghề: 01-10-1969
 Cư trú tại: Ký tên
 Người chứng thứ nhì: Không rõ và đóng dấu
 Tuổi: //
 Nghề:
 Cư trú tại:

Làm tại Thanh-Khê

Ngày 18 Tháng 10 năm 1969

Người khai

Hộ lại

Nhân chứng

Huỳnh-Ngọc-Đường

Nguyễn-Văn-Châu

Bảo-sanh-viện

PHƯỜNG III

Đã ký và đóng dấu

Ký tên không rõ

QUẬN TỊCH

Đã ký và đóng dấu

Đã ký và đóng dấu

Đã ký và đóng dấu

Đã ký và đóng dấu

Đã ký và đóng dấu

Đã ký và đóng dấu

Đã ký và đóng dấu

Đã ký và đóng dấu

Đã ký và đóng dấu

Đã ký và đóng dấu

Đã ký và đóng dấu

Đã ký và đóng dấu

Đã ký và đóng dấu

PHONG LỤC SỰ TOÀ ÁN

SỞ TƯ PHÁP NAM PHÂN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

Làng Mỹ-Thọ

(SADEC

(NAM. PHÂN)
(Sud-Vietnam)



NĂM 1940
(Année)

HIỆU 3
(No)

Tên họ đứa con út. (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn Thị Xuân Anh
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	Con gái
Sinh ngày nào. (Date de naissance)	Le 3 Janvier 1940
Sinh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Làng Mỹ-Thọ
Tên họ cha. (Nom et prénom du père)	Nguyễn Văn Bổng
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	Propriétaire
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Làng Mỹ-Thọ
Tên họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	Lý Thị Bổng
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	Propriétaire
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Làng Mỹ-Thọ
Vợ chánh hay vợ thứ. (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Tên họ đứa con út. (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn Thị Xuân Anh
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	Con gái
Sinh ngày nào. (Date de naissance)	Le 3 Janvier 1940
Sinh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Làng Mỹ-Thọ
Tên họ cha. (Nom et prénom du père)	Nguyễn Văn Bổng
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	Propriétaire
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Làng Mỹ-Thọ
Tên họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	Lý Thị Bổng
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	Propriétaire
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Làng Mỹ-Thọ
Vợ chánh hay vợ thứ. (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Kim Sơn Công Ty G-7-84

Chúng tôi, Lê Văn Bổng, Thân Phán
(Nous)

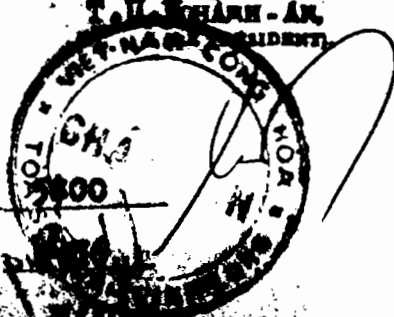
T.Ư.Đ. Chánh-án Toà Vĩnh Long
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Võ Thành Liễn
(M.)

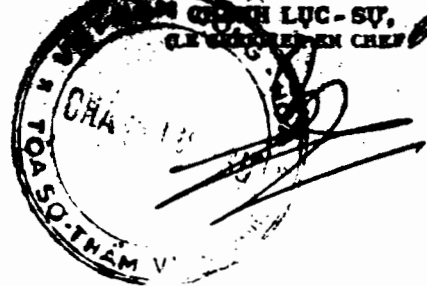
Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal.)

Vĩnh Long ngày 22/2 1965



Trích y bản chánh.
(Pour extrait conforme),

Vĩnh Long ngày 22/2 1965



Giá tiền :
(Cop)
Biên bản 06
(Quittance)

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ

(GREFFE DU TRIBUNAL DE)

SỞ TƯ-Pháp NAM-Phân
Service Adjudiciaire du Sud-Vietnam

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

Làng Mỹ-Thọ

(SADEC)

(NAM-PHÂN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1940
(Année)

HIỆU 3
(No)



Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn-thị-Hương-Anh
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	Con gái
Sinh ngày nào. (Date de naissance)	Le 3 Janvier 1940
Sinh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Làng Mỹ-Thọ
Tên họ cha. (Nom et prénom du père)	Nguyễn-văn-Dũng
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	Propriétaire
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Làng Mỹ-Thọ
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	Lý-thị-Dũng
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	Propriétaire
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Làng Mỹ-Thọ
Vợ chánh hay vợ thứ. (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn-thị-Hương-Anh
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	Con gái
Sinh ngày nào. (Date de naissance)	Le 3 Janvier 1940
Sinh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Làng Mỹ-Thọ
Tên họ cha. (Nom et prénom du père)	Nguyễn-văn-Dũng
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	Propriétaire
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Làng Mỹ-Thọ
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	Lý-thị-Dũng
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	Propriétaire
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Làng Mỹ-Thọ
Vợ chánh hay vợ thứ. (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Kim-Son Công-Ty C-7-64

Chúng tôi, Lê-văn-Dũng, Thẩm-Phán
(Nous)

T.Ư.Đ. Chánh-án Toà Vĩnh-Long
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Võ-Thành-Liên
(M.)

Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal.)

Vĩnh-Long ngày 22/2 1965

T.Ư.Đ. KHÁNH-AN

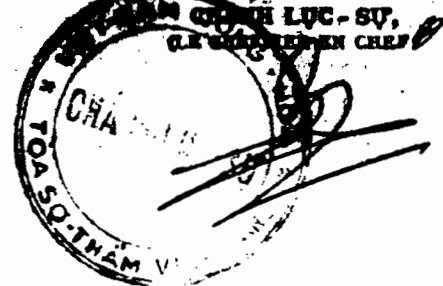


Giá tiền 1.000
(Copie)

Biên-lập 06
(Quittance)

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme),

Vĩnh-Long ngày 22/2 1965



SỞ TƯ PHÁP
TRUNG - PHÂM

TÒA SƠ - THẨM
QUẢNG - NAM QUẢNG - NGÃI
tại ĐÀ - NẰNG

CHỨNG THƯ THAY GIẤY
KHAI - SINH

Số 4666



VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Năm một nghìn chín trăm năm mươi Bảy
ngày Ba tháng Tu năm Tam giờ

Trước mặt chúng tôi là

Chánh Án Tòa Sơ Thẩm Quảng - Nam Quảng - Ngãi tại ĐÀ - NẰNG ngồi tại
văn phòng có Ông AI - TUAN - TRIET Lạc sự giúp việc

CÓ ĐẾN HẦU TÒA

1°) Huỳnh - Tu - Ôn 36 tuổi, trú ngụ tại Thanh - Khe Đa - Nang
số 21A. 000. 042 cấp tại Thanh - Khe ngày 2/8/1955
2°) Nguyen - Van - Phmoc 41 tuổi, trú ngụ tại Thanh - Khe, Da - Nang
số Giấy giải - ngũ cấp tại KBC 4884 ngày 6/3/1957
3°) Huỳnh - ngoc - Van 25 tuổi, trú ngụ tại Thanh - Khe, Da - Nang
số 32A. 000. 0 97 cấp tại Thanh - Khe ngày 10/8/55

Những người chứng nói trên, sau khi thề nói thật cả sự thật và chỉ có sự thật đã khai và
chứng nhận biết rõ :

Huỳnh - ngoc - Duong Quốc tịch Kiet - Nam sinh ngày muoi chín
tháng muoi mot năm mot nghìn chín trăm ba mươi lam
tại Làng Thanh - Khe, Da - Nang.
là con của Ông Huỳnh - Tu - Thước và Bà Nguyen - Thi - Het

Mấy người này quả quyết rằng Huỳnh - ngoc - Duong
không thể xuất nạp giấy **KHAI - SINH** của y được vì lẽ sổ hộ tịch chánh quán
bị phá hủy bởi những biến cố chiến-tranh, hoặc bản chánh bị thất lạc.

Mấy người chứng đã nhận thật những lời khai ở trên, nên chúng tôi chiếu các điều
47, 48 Trung Việt-Hà luật lập tờ chứng thư này thay thế giấy **KHAI - SINH**
cấp cho Huỳnh - ngoc - Duong để nạp hồ-sơ

Những người chứng sau khi nghe đọc bản văn này, đã ký tên cùng chúng tôi và Lạc-sự

Người đứng khai : Những người chứng Chánh-Án Lạc-sự

Tem bản chính :

Trước bạ thu : 30 5

Trước bạ tại Đà - Nẵng ngày 10/8/55

Quyền 9 tờ 35 số 0109

CHỦ - SỰ ký tên

Sao y bản chánh

Chánh Lạc-sự

Stam



Tên đầu nhi: HUYNH - NGOC - HAI
 Phái: Nam
 Sinh: Ngày một tháng mười năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (01 - 10 - 1969)
 Tại: Thanh-Khê, Đà-Nẵng
 Cha: HUYNH - NGOC - DUONG
 Tuổi: 1935
 Nghề: Quân nhân
 Cư trú: KBC.3.198
 Mẹ: NGUYEN - THI - KIM - ANH
 Tuổi: 1940
 Nghề: Nội trợ
 Cư trú: Thanh-Khê, Đà-Nẵng
 Vợ: Chánh
 Người khai: HUYNH - NGOC - DUONG
 Tuổi: 1935
 Nghề: Quân nhân
 Cư trú: KBC.3.198
 Ngày khai: Ngày mười tám tháng mười năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (18 - 10 - 1969)
 Người chứng thứ nhất: Có giấy chứng nhận hộ sinh
 Tuổi: do Bảo-Sanh-Viện cấp ngày
 Nghề: 01-10-1969
 Cư trú tại: Ký tên
 Người chứng thứ nhì: Không rõ và đóng dấu
 Tuổi: //
 Nghề:
 Cư trú tại:

Làm tại Thanh-Khê

Ngày 18 Tháng 10 năm 1969

Người khai

Hộ lại

Nhân chứng

Huỳnh-Ngọc-Dương

Nguyễn-Văn-Châu

Bảo-sanh-viện

PHUONG NGOC DUONG

Nhân thế chủ ký gia đình

Ký tên không rõ

PHUONG NGOC DUONG

Đã khai ngày 18-10-1969

PHUONG NGOC DUONG

Đã khai ngày 18-10-1969

PHUONG NGOC DUONG

Đã khai ngày 18-10-1969

PHUONG NGOC DUONG

Đã khai ngày 18-10-1969

PHUONG NGOC DUONG

Đã khai ngày 18-10-1969

PHUONG NGOC DUONG

Đã khai ngày 18-10-1969

PHUONG NGOC DUONG

Đã khai ngày 18-10-1969



Đã ký và đóng dấu
 Hồ - Đức - Sang

Công Ngọc Đức

Xã: Bình-trước

SG h16u: 842

!-guyễn-Văn-lãm-Tự-Vẽ

Phạm Ngọc Ba

Số hiệu: 403

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

-O-O-O-O-

K H A I S I N H



Đứa nhỏ

Họ, tên: HUỖNH-NGOC-THÚC Trai hay gái Trai
Sinh ngày: 10 Tháng 05
năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu hồi 6 giờ 08
Tại: Bình - Trước (Biên - Hòa)

Con của

Cha (Họ và tên): HUỖNH - NGOC - ĐUÔNG
Tuổi: 31 Quốc tịch: Việt - Nam Nghề: Quân nhân
Chỗ ở: 95/38 Ấp Núi Đất Bình - Trước (Biên - Hòa)
Mẹ (Họ và tên): NGUYỄN-THỊ-KIM-ANH
Tuổi: 26 Quốc tịch: Việt-Nam Nghề: Nội trợ
Chỗ ở: 95/38 Ấp Núi Đất Bình-Trước (Biên-hòa)
Vợ có hôn thú hay không: Có

Người khai

Trước mặt

Họ tên: Trần - Thị - Hương
Tuổi: 49 Nghề: Buôn - Bán
Chỗ ở: 68/3 đường Lê-Văn-Duyệt Sa-đéc
Họ, tên: Thái-Thị-Thanh-Cảnh
Tuổi: 26 Nghề: Buôn - Bán
Chỗ ở: 68/4 Đường Lê-Văn-Duyệt Sa-đéc

Làm tại: Tân-Quy-Dông Ngày 24 Tháng 10 Năm 1977

NGƯỜI KHAI

NGUYỄN-THỊ-KIM-ANH

ỦY VIÊN HỌ TỊCH

Lê Trung Lập

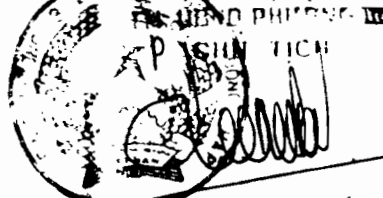
Đã ký và đóng dấu

NGƯỜI CHỨNG

1 Trần-thị-Hương

2 Thái-Thị-Thanh-Cảnh

SỐ QUÂN SỰ: 531/UB
PHÚC: 24-10-1988



Công An Tỉnh

Số hiệu: 403

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

-o-o-o-o-

K H A I S I N H



Đứa nhỏ

Họ, tên: HUỖNH-NGỌC-THÚC Trai hay gái Trai
Sinh ngày: 10 Tháng 05
năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu hồi 6 giờ 08
Tại: Bình - Trước (Biên - Hòa)

Con của

Cha (Họ và tên): HUỖNH - NGỌC - ĐUÔNG
Tuổi: 31 Quốc tịch: Việt - Nam Nghề: Quân nhân
Chỗ ở: 95/38 Ấp Núi Đất Bình - Trước (Biên - Hòa)
Mẹ (Họ và tên): NGUYỄN-THỊ-KIM-ANH
Tuổi: 26 Quốc tịch: Việt-Nam Nghề: Nội trợ
Chỗ ở: 95/38 Ấp Núi Đất Bình-Trước (Biên-hòa)
Vợ có hôn thú hay không: Có

Người khai

Trước mặt

Họ tên: Trần - Thị - Hương
Tuổi: 49 Nghề: Buôn - Bán
Chỗ ở: 68/3 đường Lê-Văn-Duyệt Sa-đéc
Họ, tên: Thái-Thị-Thanh-Cảnh
Tuổi: 26 Nghề: Buôn - Bán
Chỗ ở: 68/4 Đường Lê-Văn-Duyệt Sa-đéc

Làm tại: Tân-Quy-Đông Ngày 24 Tháng 10 Năm 1977

NGƯỜI KHAI

NGUYỄN-THỊ-KIM-ANH

ỦY VIÊN HỌ TỊCH

Lê Tầmmy Lập

Đã ký và đóng dấu

NGƯỜI CHỨNG

1 Trần-thị-Hương

2 Thái-Thị-Thanh-Cảnh

SỐ QUÂN SỰ: 531 / 08
PHƯƠNG: 24 - 40 - 1988

PHÒNG QUẢN LÝ PHƯƠNG III

P. TỊCH TỊCH



Chống Ngục Thù

Số hiệu: 191

K H A I S I A H



Tên họ đầu nhi: H u y ẽ n h - L g o c - H i ẽ u
Sanh: Ngày mười sáu, tháng tư, năm một ngàn chín trăm
bảy mươi hai (16-4-1972)
Tại: Thanh-Khê, Đà-Nẵng
Cha: H u y ẽ n h - L g o c - Đ u o ̣ n g
Tuổi: Sinh năm 1935
Nghề: Quân nhân
Cư-trú tại: KBC.2.198
Mẹ: N g u y ẽ n h - T h ị - K i m - A n h
Tuổi: Sinh năm 1940
Nghề: Học sinh
Cư-trú tại: Thanh-Khê, Đà-Lãng
Vợ: Chánh
Người khai: H u y ẽ n h - L g o c - Đ u o ̣ n g
Tuổi: Sinh năm 1935
Nghề: Quân nhân
Cư-trú tại: KBC.3.198
Ngày khai: Ngày hai mươi, tháng tư, năm một ngàn chín
trăm bảy mươi hai (20-4-1972)
Người chứng thứ nhất: H u y ẽ n h - L g o c - S i n h
Tuổi: Sinh năm 1946
Nghề: Quân nhân
Cư-trú tại: KBC.3.198
Người chứng thứ nhì: T r ầ n - V ă n - S i n h
Tuổi: Sinh năm 1946
Nghề: Quân nhân
Cư-trú tại: KBC.3.198

Lập tại xã: Thanh-Khê, ngày 20 tháng 4 năm 1972

Người khai,

Hộ lại,

nhân chứng,

Huỳnh-Lgoc-Đường

Huỳnh-Lgoc-Sinh

SADY SAK 530/106

Trần-văn-Sinh

PHƯƠNG 24-10-1988

(Ký tại và đóng dấu)

PHUONG 24-10-1988

Đào - Lgoc - Sang



Đào - Lgoc - Sang



Tên họ đầu nhi: H u y n h - N g o c - H i ế u
 Sinh: Ngày mười sáu, tháng tư, năm một ngàn chín trăm
bảy mươi hai (16-4-1972)
 Tại: Thanh-Khê, Đà-Nẵng
 Cha: H u y n h - N g o c - Đ u ờ n g
 Tuổi: Sinh năm 1935
 Nghề: Quân nhân
 Cư-trú tại: KBC.2.198
 Mẹ: N g u y ễ n - T h ị - K i m - A n h
 Tuổi: Sinh năm 1940
 Nghề: Học sinh
 Cư-trú tại: Thanh-Khê, Đà-Lãng
 Vợ: Chánh
 Người khai: H u y n h - N g o c - Đ u ờ n g
 Tuổi: Sinh năm 1935
 Nghề: Quân nhân
 Cư-trú tại: KBC.3.198
 Ngày khai: Ngày hai mươi, tháng tư, năm một ngàn chín
trăm bảy mươi hai (20-4-1972)
 Người chứng thứ nhất: H u y n h - N g o c - S i n h
 Tuổi: Sinh năm 1946
 Nghề: Quân nhân
 Cư-trú tại: KBC.3.198
 Người chứng thứ nhì: T r ầ n - V ă n - S i n h
 Tuổi: Sinh năm 1946
 Nghề: Quân nhân
 Cư-trú tại: KBC.3.198

Lập tại xã: Thanh-Khê, ngày 20 tháng 4 năm 1972

Người khai,

Hộ lại,

Nhân chứng,

Huỳnh-Ngọc-Đường

Huỳnh-Ngọc-Sinh

SADY SA 530/US

Trần-Văn-Sinh

PHƯƠNG III 24-10-1988

(Ký tên và đóng dấu)

PHƯƠNG III

Đào - Ngọc - Sang



Đào - Ngọc - Sang

11

Lần 1 và lần 2 đã gửi
đến ODP Thái Lan vào
đầu năm 1988 -

3/11

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter